`TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN ĐỒ SƠN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST
Ngày 25-6-2020
V/v không công nhận quan hệ hôn nhân

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thế Sự

Ông Trần Văn Hợp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ thụ lý số 57/2020/TLST-HNGĐ ngày 04-5-2020 về việc không công nhận quan hệ hôn nhân, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09-6-2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị H, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Văn Đức H, sinh năm 1971; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 24-4-2020, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Ngô Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Văn Đức H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Bà và ông H chung sống cùng nhau tại tổ dân phố Đ, phường H, quận Đ đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông bà không hiểu nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, bất đồng về cách phát triển kinh tế gia đình nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Bà và ông H đã cố gắng khắc phục, hai bên gia đình khuyên giải để ông bà quay về chung sống nhưng không có kết quả. Bà đã không còn chung sống với ông H từ cuối năm 2016 đến nay. Vì vậy,

để đảm bảo quyền lợi, bà đề nghị Toà án giải quyết không công nhận bà và ông Hải là vợ chồng.

- Về con chung: Bà và ông H có 01 con chung là Văn Đức Th, sinh ngày 06-9-1996. Anh Th đã đủ 18 tuổi nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Văn Đức H trình bày:

Ông chung sống với bà H như vợ chồng từ năm 1995 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn do không hiểu biết pháp luật. Quá trình chung sống, ông và bà H đã có 01 con chung là Văn Đức Th, sinh ngày 06-9-1996. Từ năm 2016 đến nay, ông bà xảy ra mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nguyên nhân là do ông bà không hiểu nhau, luôn bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra cãi vã, xô xát. Ông và bà H đã cố gắng khắc phục và hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Từ cuối năm 2016 đến nay, ông bà đã sống ly thân, không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Nay, bà H làm đơn yêu cầu không công nhận ông và bà H là vợ chồng, ông cũng đồng ý; anh Th là con chung của ông bà đã đủ 18 tuổi nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, ông và bà Hằng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc bà H và ông H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn đã vi phạm điều cấm của pháp luật, thuộc trường hợp không được hòa giải theo khoản 2 Điều 206 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải giữa các đương sự theo khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bà H và ông H giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông bà. Con chung là Văn Đức Th đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án không công nhận quan hệ hôn nhân, bị đơn là ông Văn Đức H, cư trú tại: Phường H, quận Đ. Theo quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về hôn nhân: Bà H và ông H thống nhất trình bày ông, bà tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Uỷ ban nhân dân phường H, quận Đ, nơi ông bà cư trú từ năm 1995 đến nay xác nhận bà H và ông H không làm thủ tục đăng ký

kết hôn tại chính quyền địa phương. Bà H và ông H chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Sau khi Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 có hiệu lực, theo hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình, bà và ông H có nghĩa vụ phải đi đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm kể từ ngày Luật Hôn nhân và gia đình có hiệu lực, tức là từ ngày 01-01-2001 đến 01-01-2003. Tuy nhiên, từ ngày 01-01-2001 đến nay, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng bà H và ông H vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định, vi phạm Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay, do mâu thuẫn giữa ông, bà nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông H là vợ chồng. Xét thấy, yêu cầu của bà H là có căn cứ chấp nhận, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà và ông H theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con: Bà H và ông H có 01 con chung là Văn Đức Th, sinh ngày 06-9-1996 đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà H và ông H không yêu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Bà H và ông H có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Ngô Thị H và ông Văn Đức H.

2. Về án phí: Bà Ngô Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà đã nộp là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009614 ngày 04-5-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà H và ông H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường H, quận Đ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tùng